

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông
năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học
phổ thông năm 2020; Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của
Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số
15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020;*

*Thực hiện Công văn số 1523/BGDĐT-QLCL ngày 19 tháng 4 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung
học phổ thông năm 2022; Công văn 2188/BGDĐT-TTr ngày 26 tháng 5 năm
2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thanh tra, kiểm tra Kỳ
thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 95/TTr-
SGDĐT ngày 16 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông với các nội dung sau:

I. SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ DỰ THI

Toàn tỉnh có 6.881 thí sinh đăng ký dự thi (ĐKDT), trong đó có 6.593 thí sinh giáo dục phổ thông (GDPT), 288 thí sinh giáo dục thường xuyên (GDTX). Trong tổng số thí sinh đăng ký dự thi có 301 thí sinh tự do.

Học sinh dân tộc thiểu số: 1.587 thí sinh, trong đó có 399 thí sinh là dân tộc thiểu số tại chỗ.

Số liệu đăng ký theo môn thi: Toán 6.786; Vật lí 2.362; Hóa học 2.362; Sinh học 2.307; Ngữ văn 6.749; Lịch sử 4.460; Địa lí 4.447; Giáo dục công dân 4.090; Tiếng Anh 6.393; Tiếng Nhật 01; Tiếng Trung 03.

II. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC KỶ THI

1. Tập huấn Quy chế, nghiệp vụ tổ chức thi

- Tập huấn lần 1: Phổ biến Quy chế, tập huấn nghiệp vụ tổ chức Kỳ thi cho tất cả Hiệu trưởng/Giám đốc và Cán bộ phụ trách công nghệ thông tin các trường, trung tâm; các trường, trung tâm phổ biến cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh lớp 12 toàn trường trước khi thí sinh đăng ký dự thi theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Tập huấn lần 2: Phổ biến các văn bản quy định về công tác thanh tra, tập huấn nghiệp vụ thanh tra cho lực lượng làm công tác thanh tra các công đoạn của Kỳ thi;

- Tập huấn lần 3: Tiếp tục thực hiện tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu coi thi cho Trường điểm, Phó Trường điểm sở tại và Thư ký điểm thi;

- Tập huấn lần 4: Lãnh đạo các Ban của Hội đồng thi tổ chức phổ biến các nội dung về quy chế liên quan đến lĩnh vực phụ trách và tập huấn nghiệp vụ cho toàn thể thành viên trong Ban trước khi thực hiện nhiệm vụ.

Ngoài ra, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng phương án nhân sự và triển khai các tài liệu liên quan để cán bộ, giáo viên tự nghiên cứu trước khi được tập huấn chính thức.

Sau mỗi đợt tập huấn, tổ chức làm bài kiểm tra để kiểm tra mức độ nắm bắt quy chế, nghiệp vụ tham gia tổ chức thi. Đảm bảo phải thông suốt quy chế, nghiệp vụ trước khi tham gia các khâu tổ chức thi.

2. Vận chuyển đề thi, bài thi

2.1. Nhận đề thi gốc từ Bộ Giáo dục và Đào tạo và bàn giao đề thi cho các điểm thi: Thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thi.

2.2. Bàn giao bài thi từ điểm thi cho Trường Ban thư ký hội đồng thi

Ngay khi kết thúc bài thi cuối cùng, Trường điểm đóng gói bài thi theo quy định, vận chuyển và bàn giao cho Trường Ban thư ký;

Thành phần vận chuyển và bàn giao bài thi gồm: Trường điểm thi và 02 công an bảo vệ tại điểm thi bảo vệ bài thi trong suốt quá trình vận chuyển cho đến khi bàn giao xong cho Ban thư ký Hội đồng thi;

Phương tiện vận chuyển: Công an tỉnh chỉ đạo Công an các huyện/thành phố bố trí phương tiện vận chuyển bài thi tại các điểm thi trên địa bàn quản lý về Hội đồng thi đảm bảo an toàn theo quy định.

Thời gian nhận bàn giao: Từ 16 giờ 00 phút, ngày 08/7/2022.

3. In sao đề thi

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thành lập Ban in sao đề thi. Ban in sao đề thi hoạt động độc lập và cách ly theo quy định. Số lượng, thành phần, nhiệm vụ thực hiện theo Điều 18 Quy chế thi. Cụ thể: Trường Ban 01, Phó Trường ban 01, Ủy viên 10 và Công an bảo vệ 03 cán bộ thuộc Công an tỉnh (01 cán bộ vòng 2 và 02 cán bộ vòng 3);

Thời gian làm việc của Ban in sao đề thi tính từ khi nhận đề thi gốc từ Bộ Giáo dục và Đào tạo đến hết ngày 08/7/2022 sau khi hết giờ làm bài thi cuối cùng;

Địa điểm làm việc: Thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thi.

Cơ sở vật chất bố trí đảm bảo đúng quy định 3 vòng cách ly độc lập và đảm bảo các điều kiện về an toàn, an ninh.

4. Coi thi

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thành lập Ban coi thi. Thành phần, số lượng, nhiệm vụ thực hiện theo Điều 20, Điều 21, Điều 22 Quy chế thi.

4.1. Số liệu phòng thi, điểm thi, nhân sự

- Số liệu phòng thi, điểm thi:

+ Tổng số phòng thi: 303 phòng;

+ Toàn tỉnh tổ chức 19 điểm thi, các điểm thi được tổ chức đến từng huyện, thành phố đảm bảo thuận lợi nhất cho thí sinh dự thi, hạn chế tối đa việc thí sinh phải di chuyển xa, đồng thời phải đảm bảo các điều kiện về an ninh, an toàn và cơ sở vật chất phục vụ cho kỳ thi (*Danh sách các điểm thi và số liệu từng điểm thi tại Phụ lục I, II đính kèm*).

- Nhân sự Ban coi thi:

+ Trưởng ban: 01 (Lãnh đạo Hội đồng thi);

+ Phó Trưởng ban: 21 (Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng thuộc Sở, Lãnh đạo các Trường THPT);

+ Thư ký: 61, trong đó có 19 thư ký thuộc trường đặt điểm thi và 42 người cử từ các trường THPT khác của tỉnh không có học sinh lớp 12 tại điểm thi;

+ Tổng số cán bộ coi thi: 700 người; Cán bộ coi thi là giáo viên các Trường THPT của tỉnh và không được coi thi tại điểm thi có học sinh lớp 12 năm học 2021-2022 của trường mình dự thi;

+ Cán bộ giám sát: 141 cán bộ giám sát được cử đến từ các Trường THPT không có học sinh dự thi tại điểm thi;

+ Công an bảo vệ: 114 cán bộ Công an huyện, thành phố thuộc địa bàn đặt điểm thi. Trong đó có 38 công an trực tiếp bảo vệ khu vực chứa đề thi, bài thi và 76 công an bảo vệ đảm bảo an ninh trật tự khu vực tổ chức coi thi;

+ Kiểm soát viên quân sự: 38 cán bộ, chiến sỹ của Thành đội, Huyện đội nơi địa bàn đặt điểm thi;

+ Y tế: 57 nhân viên, cán bộ y tế. Trong đó có 38 cán bộ thuộc Trung tâm y tế thuộc thành phố, các huyện thuộc địa bàn đặt điểm thi và 19 nhân viên y tế của các trường đặt điểm thi;

+ Trật tự viên: 32. Là nhân viên bảo vệ của trường đặt điểm thi;

+ Phục vụ: 47. Là nhân viên và bảo vệ của trường đặt điểm thi;

+ Cán bộ coi thi dự phòng: 76.

4.2. Lịch làm việc tại điểm thi

- Ngày 06/7/2022:

- + Từ 07 giờ 30 phút, họp cán bộ làm công tác coi thi tại điểm thi;
- + Từ 14 giờ 00 phút, thí sinh đến phòng thi để làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót thông tin đăng ký dự thi (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, lịch thi.
- Ngày 07, 08/7/2022 thi theo lịch.

4.3. Bảo quản đề thi, bài thi tại các điểm thi

Bảo quản bài thi tại Điểm thi được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế thi và một số nội dung sau:

Camera giám sát: Bố trí 02 camera, vị trí camera bảo đảm bao quát được toàn bộ các vật dụng chứa đề thi, bài thi trong phòng và các hành vi tác động đến vật dụng đó. Hệ thống camera không được kết nối internet và không kết nối màn hình, có bộ lưu điện dự phòng, bảo đảm hoạt động liên tục kể cả khi mất điện lưới; dung lượng thiết bị lưu trữ của hệ thống camera bảo đảm lưu trữ được toàn bộ dữ liệu của quá trình lưu trữ đề thi, bài thi tại Điểm thi với dung lượng 30 ngày. Ngay sau khi bài thi được chuyển khỏi phòng, thiết bị lưu trữ dữ liệu (ổ cứng/thẻ nhớ) của camera phải được niêm phong dưới sự chứng kiến của Trưởng Điểm thi, Phó Trưởng Điểm thi, thanh tra và công an. Thiết bị lưu trữ dữ liệu của camera sau khi niêm phong được bàn giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo lưu giữ trong thời gian ít nhất là 12 tháng.

5. Làm phách bài thi tự luận

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thành lập, Ban phách thực hiện đánh phách 1 vòng, hoạt động độc lập và được cách ly tuyệt đối cho đến khi hoàn thành chấm bài thi tự luận; thành phần, số lượng, nhiệm vụ thực hiện theo Điều 25 Quy chế thi.

Địa điểm làm việc: Thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thi.

Thời gian làm việc bắt đầu từ 13 giờ 00 phút ngày 09/7/2022 đến khi hoàn thành chấm bài thi tự luận.

Số lượng thành viên gồm: Trưởng ban 01, Phó Trưởng ban 01, Ủy viên 13. Trong đó, Công an bảo vệ có 02 cán bộ thuộc Công an tỉnh, 01 Cán bộ y tế thuộc Sở Y tế, 02 phục vụ.

6. Chấm thi

6.1. Ban chấm bài thi tự luận

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thành lập Ban chấm bài thi tự luận. Thành phần và số lượng thực hiện theo Điều 26 Quy chế thi.

Nhiệm vụ Ban chấm bài thi tự luận thực hiện theo Điều 27, Điều 30 Quy chế thi.

Ban chấm thi tự luận đặt tại Trường THPT Chu Văn An. Các phòng Chấm thi và phòng bảo quản bài thi có Camera an ninh giám sát, dung lượng lưu trữ dữ liệu của Camera tối thiểu là 21 ngày, có đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

Thời gian làm việc: Bắt đầu từ 07 giờ 30 phút ngày 12/7/2022 cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

Số lượng thành viên gồm: Trưởng ban 01, Phó Trưởng ban 04, Ủy viên chấm kiểm tra 08, Ủy viên tổ trưởng tổ chấm 02, Ủy viên chấm bài thi tự luận 52, Công an 05 Cán bộ thuộc Công an tỉnh (02 cán bộ bảo vệ kho chứa bài thi và 03 bảo vệ an ninh khu vực chấm thi), 01 nhân viên y tế Trường THPT Chu Văn An, phục vụ 03.

6.2. Ban chấm bài thi trắc nghiệm

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thành lập Ban chấm bài thi trắc nghiệm. Thành phần và số lượng thực hiện theo Điều 28 Quy chế thi.

Nhiệm vụ Ban chấm bài thi trắc nghiệm thực hiện theo điều 29 Quy chế thi.

Ban chấm bài thi trắc nghiệm đặt tại Trường THPT Chu Văn An. Các phòng chấm thi và phòng bảo quản bài thi có Camera an ninh giám sát, dung lượng lưu trữ dữ liệu của Camera tối thiểu là 21 ngày.

Thời gian làm việc: Bắt đầu từ 07 giờ 30 phút ngày 12/7/2022 cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

Số lượng thành viên gồm: Trưởng ban 01, Phó Trưởng ban 03, Tổ thư ký 04, Tổ chấm bài trắc nghiệm 04, Tổ giám sát 02, Công an 03 cán bộ thuộc Công an tỉnh (02 bảo vệ kho chứa bài thi, giám sát việc quét, sửa lỗi và chấm bài thi; 01 bảo vệ an ninh khu vực chấm thi), phục vụ 02, y tế 01 nhân viên y tế Trường THPT Chu Văn An.

7. Phúc khảo bài thi

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thành lập Ban Phúc khảo bài thi tự luận và Ban Phúc khảo bài thi trắc nghiệm; các Ban phúc khảo bài thi đặt tại địa điểm Sở Giáo dục và Đào tạo, thời gian làm việc từ 07 giờ 30 phút ngày 08/8/2022 cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ;

Cơ cấu, thành phần các Ban thực hiện như lần chấm đầu. Riêng Ủy viên chấm bài thi tự luận, tùy theo số lượng bài thi đề nghị phúc khảo để cử số lượng phù hợp.

Công an bảo vệ: 02 cán bộ thuộc Công an tỉnh.

8. Công tác chuẩn bị cơ sở vật chất tại các điểm coi thi, chấm thi

Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông chịu trách nhiệm rà soát, chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ tốt cho điểm thi. Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả công tác chuẩn bị và các vấn đề phát sinh (nếu có). Thời gian hoàn thành công tác chuẩn bị và báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25/6/2022.

9. Thanh tra, kiểm tra

- Thanh tra tỉnh: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra và cử cán bộ có chuyên môn phù hợp tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra Kỳ thi.

- Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo:

Tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra các khâu của kỳ thi. Cụ thể thanh tra, kiểm tra các nội dung và tham mưu Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về nhân sự như sau:

- + Kiểm tra công tác chuẩn bị thi: 06 người;
- + Thanh tra in sao đề thi: 01 người;
- + Thanh tra công tác coi thi: 57 người;
- + Thanh tra Ban phách: 01 người;
- + Thanh tra các Ban chấm thi tự luận và trắc nghiệm: 11 người;
- + Thanh tra Phúc khảo bài thi: 03 người;
- + Thanh tra công tác xét, công nhận tốt nghiệp: 03 người;
- + Tổ trực thanh tra tại Sở Giáo dục và Đào tạo: 03 người;
- + Tổ Giám sát hoạt động thanh tra: 02 người.

10. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp THPT

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp THPT, thành phần, nhiệm vụ thực hiện theo Điều 43 Quy chế thi.

Số lượng thành viên gồm: Chủ tịch 01 (Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo), Phó Chủ tịch 02 (Lãnh đạo phòng GDTrH-QLCL, Sở Giáo dục và Đào tạo), ủy viên 10 (Chuyên viên phòng GDTrH-QLCL và đại diện các trường phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo).

11. Thông báo kết quả thi, cấp giấy chứng nhận kết quả thi và hoàn thành xét công nhận tốt nghiệp

- Thông báo kết quả thi vào ngày 24/7/2022;
- Hoàn thành xét công nhận tốt nghiệp sơ bộ trước ngày 28/7/2022;
- Cấp giấy chứng nhận kết quả thi hoàn thành trước ngày 30/7/2022. Các Trường THPT, trung tâm nhận giấy chứng nhận kết quả thi tại Sở Giáo dục và Đào tạo và tổ chức cấp phát cho thí sinh đúng thời gian quy định;
- Hoàn thành xét công nhận tốt nghiệp sau phúc khảo bài thi trước ngày 20/8/2022.

12. Tổ chức thi và xét tốt nghiệp cho thí sinh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

12.1. Xác định đối tượng thí sinh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

Các cơ sở y tế, chính quyền địa phương (Trường Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 của xã, phường) cấp Giấy xác nhận kịp thời cho thí sinh thuộc diện F0 để sử dụng làm căn cứ xét đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2022;

Sở Y tế chỉ đạo các cơ sở y tế cử cán bộ y tế tham gia tại các Điểm thi hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19, chuẩn bị đủ cơ số thuốc để kịp thời sơ cấp cứu

và xử lý các tình huống phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Y tế; tổ chức sàng lọc các đối tượng (F0), ca bệnh giám sát (ca bệnh nghi ngờ) và tiếp xúc gần (F1); hỗ trợ Điểm thi tổ chức xét nghiệm kháng nguyên (test nhanh) cho thí sinh thuộc diện ca bệnh nghi ngờ vào ngày 06/7/2022 để làm căn cứ bố trí phòng thi.

a) Việc xác định đối tượng thí sinh thuộc diện ca bệnh xác định (F0), ca bệnh giám sát (ca bệnh nghi ngờ) và người tiếp xúc gần (F1) thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1909/BYT-DP ngày 15/4/2022 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh Covid-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh Covid-19 và người tiếp xúc gần.

b) Về thẩm quyền/cơ quan cấp giấy xác nhận thí sinh thuộc diện F0: Đối với trường hợp đang theo dõi, điều trị nội trú tại cơ sở y tế do cơ sở y tế trực tiếp theo dõi điều trị ca bệnh cấp; đối với trường hợp đang cách ly điều trị tại nhà hoặc nơi cư trú do chính quyền địa phương (Trường Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 của xã, phường cấp). Giấy xác nhận được sử dụng làm căn cứ xét đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2022 cho thí sinh thuộc diện F0.

12.2. Bố trí phòng thi đối với thí sinh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

a) Đối với thí sinh thuộc diện F0: Có giấy xác nhận do cơ quan thẩm quyền cấp sẽ được xem xét đặc cách tốt nghiệp THPT. Thí sinh thuộc diện F0 nếu có nguyện vọng tham dự Kỳ thi phải nộp đơn xin dự thi, cam kết tuân thủ các quy định phòng, chống dịch Covid-19, được cha, mẹ hoặc người giám hộ ký xác nhận đồng ý. Các thí sinh này được Điểm thi bố trí dự thi tại các phòng thi riêng đáp ứng yêu cầu về phòng, chống dịch Covid-19.

b) Đối với thí sinh thuộc diện ca nghi ngờ:

Điểm thi bố trí cho thí sinh dự thi thuộc diện ca nghi ngờ dự thi tại phòng thi riêng đáp ứng yêu cầu về phòng, chống dịch Covid-19. Trong trường hợp việc bố trí phòng thi riêng cho các thí sinh này gặp khó khăn, vướng mắc, Điểm thi tổ chức xét nghiệm kháng nguyên (test nhanh) cho thí sinh vào ngày 06/7/2022 để làm căn cứ bố trí phòng thi, như sau:

- Thí sinh thuộc diện ca bệnh nghi ngờ có kết quả test nhanh âm tính được dự thi cùng với các thí sinh không bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19;

- Thí sinh thuộc diện ca bệnh nghi ngờ có kết quả test nhanh dương tính được Điểm thi bố trí thi cùng với thí sinh thuộc diện F0 tại phòng thi riêng.

c) Thí sinh thuộc diện F1 được tham dự Kỳ thi cùng với các thí sinh không bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

12.3. Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn phòng, chống dịch Covid-19 trong tổ chức thi

a) Đối với Điểm thi:

- Bố trí tại mỗi Điểm thi 02 phòng thi riêng dành cho các đối tượng thí sinh thuộc diện F0 và ca bệnh nghi ngờ bảo đảm cách biệt với các phòng thi khác của Điểm thi và đáp ứng yêu cầu về phòng, chống dịch Covid-19 theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Thí sinh dự thi tại phòng thi riêng được đánh số thứ tự mới; theo đó, vị trí của thí sinh được sắp xếp phù hợp với quy định đánh số báo danh của Điểm

thi. Hướng dẫn thí sinh tại các phòng thi riêng ghi đúng thông tin cá nhân trên Giấy báo dự thi vào giấy thi/Phiếu trả lời trắc nghiệm.

- Bố trí đủ số lượng cán bộ coi thi và cán bộ giám sát cho các phòng thi riêng tại các Điểm thi. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết bảo đảm cho cán bộ coi thi, cán bộ giám sát các phòng thi riêng thực hiện nghiêm túc việc thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 (04 bộ quần áo bảo hộ và các dụng cụ phòng hộ cá nhân trong suốt quá trình làm nhiệm vụ, thường xuyên rửa tay với xà phòng và nước sạch hoặc dung dịch sát khuẩn tay nhanh).

- Cử 01 Phó Trưởng điểm giao nhận đề thi và thu bài thi của các phòng thi riêng tại mỗi Điểm thi bảo đảm yêu cầu phòng, chống dịch Covid-19.

b) Khi hết giờ làm bài, cán bộ coi thi tại phòng thi riêng thu bài thi, sắp xếp, kiểm đếm bài thi của thí sinh, sau đó, cùng cán bộ giám sát niêm phong túi đựng bài thi của phòng thi và khử khuẩn để bàn giao nguyên túi đựng bài thi đã niêm phong cho Phó Trưởng Điểm thi ngay khi kết thúc mỗi buổi thi. Trưởng Điểm thi bàn giao riêng các túi bài thi này cho Chủ tịch Hội đồng thi cùng với việc bàn giao bài thi của Điểm thi.

c) Việc chấm thi bài thi của thí sinh tại các phòng thi riêng

- Đối với bài thi tự luận: Tại khu vực làm phách, Trưởng Ban Làm phách bài thi tự luận, dưới sự giám sát trực tiếp của thanh tra, thực hiện đưa bài thi của thí sinh tại các phòng thi riêng về đúng túi bài thi của phòng thi theo số báo danh của thí sinh tại Điểm thi ngay trước khi thực hiện việc dồn túi trong quy trình làm phách bài thi tự luận.

- Đối với bài thi trắc nghiệm: Trưởng Ban Chấm thi trắc nghiệm, dưới sự giám sát trực tiếp của thanh tra, thực hiện đưa bài thi của thí sinh tại các phòng thi riêng về đúng túi bài thi của phòng thi theo số báo danh của thí sinh tại Điểm thi ngay trước khi thực hiện việc quét Phiếu trả lời trắc nghiệm trong quy trình xử lý bài thi trắc nghiệm.

d) Cán bộ coi thi quán triệt thí sinh thuộc diện F1, ca bệnh nghi ngờ và thuộc diện F0 thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong thời gian diễn ra các buổi thi, trong quá trình di chuyển từ nơi ở đến nơi dự thi và ngược lại (đeo khẩu trang, thường xuyên rửa tay với xà phòng và nước sạch hoặc dung dịch sát khuẩn tay nhanh, hạn chế tiếp xúc gần với người khác...). Bố trí trước các phòng thi đầy đủ khẩu trang, dung dịch sát khuẩn nhanh và cử người giám sát thí sinh thực hiện các quy định này tại Điểm thi.

đ) Bố trí kíp trực y tế tại các Điểm thi để hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19, kịp thời sơ cấp cứu và xử lý các tình huống phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

e) Tăng cường bảo đảm vệ sinh môi trường tại các điểm thi

Các trường đặt điểm thi có trách nhiệm:

- Tổ chức vệ sinh khu vực thi và phòng thi trước và ngay sau khi kết thúc từng buổi coi thi của Kỳ thi. Đối với các phòng thi riêng phải được vệ sinh khử khuẩn ngay sau khi kết thúc mỗi buổi thi.

- Bố trí dung dịch sát khuẩn tay tại vị trí thuận tiện cho người sử dụng, có đủ nước sạch và xà phòng tại khu vực vệ sinh; bố trí thùng đựng rác có nắp đậy để thu gom, xử lý rác bảo đảm vệ sinh.

13. Việc đảm bảo an ninh, an toàn trên địa bàn tỉnh trong các ngày tổ chức thi

Công an tỉnh chủ động xây dựng phương án đảm bảo an toàn, an ninh trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là tại các địa bàn có địa điểm thi; bố trí cảnh sát giao thông phân luồng, hướng dẫn thí sinh và người thân đưa đón thí sinh đi thi đảm bảo an toàn và hỗ trợ thí sinh đến điểm thi kịp thời khi thí sinh bị sự cố. Mỗi điểm thi đều bố trí lực lượng cảnh sát giao thông điều tiết phương tiện giao thông trong các thời điểm thí sinh bắt đầu đến trường thi và khi thi xong.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ Phương án được phê duyệt phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tốt Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo đúng Quy chế thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; báo cáo kết quả về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện Phương án này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh, Thanh tra tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Y tế, TT&TT, GTVT;
- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh;
- Công ty Điện lực Đắk Nông;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX_(VN).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh

Phụ lục I
SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ DỰ THI

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

| TT | Đơn vị ĐKDT | Tổng số thí sinh | Phân theo mục đích thi | | | Phân theo môn thi | | | | | | | | | Số thí sinh ĐK thi cả bài thi tổ hợp | | |
|----|--|------------------|------------------------|------------|------------|-------------------|------|-------|-------|-------|------|------|-----|-------|--------------------------------------|-------|-------------|
| | | | Chỉ thi TN | Thi TN& TS | Chỉ thi TS | Toán | V.lí | H.học | S.học | N.văn | L.sử | Đ.lí | GD | N.ngữ | KH TN | KH XH | KHTN và HXH |
| 1 | 001_THPT Chu Văn An | 343 | 0 | 343 | 0 | 343 | 186 | 186 | 186 | 343 | 157 | 157 | 157 | 341 | 186 | 157 | 0 |
| 2 | 002_THPT Dân tộc nội trú N' Trang Long | 141 | 0 | 141 | 0 | 141 | 33 | 33 | 33 | 141 | 108 | 108 | 108 | 141 | 33 | 108 | 0 |
| 3 | 003_THPT Phạm Văn Đồng | 365 | 38 | 327 | 0 | 365 | 118 | 118 | 118 | 365 | 247 | 247 | 247 | 365 | 118 | 247 | 0 |
| 4 | 004_THPT Nguyễn Tất Thành | 284 | 18 | 266 | 0 | 284 | 115 | 115 | 115 | 284 | 169 | 169 | 169 | 284 | 115 | 169 | 0 |
| 5 | 005_THPT Đắk Song | 297 | 14 | 283 | 0 | 297 | 99 | 99 | 99 | 297 | 198 | 198 | 198 | 297 | 99 | 198 | 0 |
| 6 | 006_THPT Đắk Mil | 372 | 0 | 372 | 0 | 372 | 197 | 197 | 197 | 372 | 175 | 175 | 175 | 371 | 197 | 175 | 0 |
| 7 | 007_THPT Trần Hưng Đạo | 404 | 0 | 404 | 0 | 404 | 169 | 169 | 169 | 404 | 235 | 235 | 235 | 404 | 169 | 235 | 0 |
| 8 | 008_THPT Phan Chu Trinh | 328 | 0 | 328 | 0 | 328 | 111 | 111 | 111 | 328 | 217 | 217 | 217 | 328 | 111 | 217 | 0 |
| 9 | 009_THPT Krông Nô | 450 | 0 | 450 | 0 | 450 | 214 | 214 | 214 | 450 | 236 | 236 | 236 | 445 | 214 | 236 | 0 |
| 10 | 010_TT GDNN - GDTX Đắk R'Lấp | 157 | 122 | 35 | 0 | 157 | 4 | 4 | 4 | 157 | 153 | 153 | 0 | 0 | 4 | 153 | 0 |
| 11 | 011_TT GDNN - GDTX Đắk Mil | 39 | 0 | 39 | 0 | 39 | 0 | 0 | 0 | 39 | 39 | 39 | 0 | 0 | 0 | 39 | 0 |
| 12 | 012_TT GDNN - GDTX Krông Nô | 5 | 4 | 1 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 | 5 | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | 5 | 0 |

| TT | Đơn vị DKDT | Tổng số thí sinh | Phân theo mục đích thi | | | Phân theo môn thi | | | | | | | | | Số thí sinh ĐK thi cả bài thi tổ hợp | | |
|----|--|------------------|------------------------|------------|------------|-------------------|------|-------|-------|-------|------|------|-----|-------|--------------------------------------|-------|-------------|
| | | | Chỉ thi TN | Thi TN& TS | Chỉ thi TS | Toán | V.lí | H.học | S.học | N.văn | L.sử | Đ.lí | GD | N.ngữ | KH TN | KH XH | KHTN và HXH |
| 13 | 013_TT GDNN - GDTX Cư Jút | 8 | 8 | 0 | 0 | 8 | 0 | 0 | 0 | 8 | 8 | 8 | 0 | 0 | 0 | 8 | 0 |
| 14 | 014_THPT Phan Bội Châu | 297 | 42 | 255 | 0 | 297 | 116 | 116 | 116 | 297 | 181 | 181 | 181 | 297 | 116 | 181 | 0 |
| 15 | 015_THPT Quang Trung | 230 | 37 | 193 | 0 | 230 | 73 | 73 | 73 | 230 | 157 | 157 | 157 | 230 | 73 | 157 | 0 |
| 16 | 016_THPT Hùng Vương | 92 | 13 | 79 | 0 | 92 | 17 | 17 | 17 | 92 | 75 | 75 | 75 | 92 | 17 | 75 | 0 |
| 17 | 017_THPT Trường Chinh | 300 | 7 | 293 | 0 | 300 | 122 | 122 | 122 | 300 | 178 | 178 | 178 | 300 | 122 | 178 | 0 |
| 18 | 018_THPT Lê Quý Đôn | 202 | 31 | 171 | 0 | 202 | 68 | 68 | 68 | 202 | 134 | 134 | 134 | 202 | 68 | 134 | 0 |
| 19 | 019_THPT Nguyễn Bình Khiêm | 209 | 16 | 193 | 0 | 209 | 34 | 34 | 34 | 209 | 175 | 175 | 175 | 209 | 34 | 175 | 0 |
| 20 | 020_TT GDNN - GDTX Đắk Song | 17 | 16 | 1 | 0 | 17 | 0 | 0 | 0 | 17 | 17 | 17 | 0 | 0 | 0 | 17 | 0 |
| 21 | 021_THPT Trần Phú | 150 | 0 | 150 | 0 | 150 | 34 | 34 | 34 | 150 | 116 | 116 | 116 | 150 | 34 | 116 | 0 |
| 22 | 022_THPT Gia Nghĩa | 258 | 30 | 228 | 0 | 258 | 78 | 78 | 78 | 258 | 180 | 180 | 180 | 258 | 78 | 180 | 0 |
| 23 | 023_THPT Đắk Glong | 154 | 0 | 154 | 0 | 154 | 45 | 45 | 45 | 154 | 109 | 109 | 109 | 154 | 45 | 109 | 0 |
| 24 | 024_TT GDNN - Ngoại ngữ, tin học tỉnh Đắk Nông | 37 | 18 | 19 | 0 | 37 | 1 | 1 | 1 | 37 | 36 | 36 | 0 | 0 | 1 | 36 | 0 |
| 25 | 025_THPT Phan Đình Phùng | 164 | 17 | 147 | 0 | 164 | 38 | 38 | 38 | 164 | 126 | 126 | 126 | 164 | 38 | 126 | 0 |
| 26 | 027_THPT Nguyễn Du | 281 | 0 | 281 | 0 | 281 | 73 | 73 | 73 | 281 | 208 | 208 | 208 | 281 | 73 | 208 | 0 |

| TT | Đơn vị DKDT | Tổng số thí sinh | Phân theo mục đích thi | | | Phân theo môn thi | | | | | | | | | Số thí sinh ĐK thi cả bài thi tổ hợp | | |
|----|---|------------------|------------------------|------------|------------|-------------------|------|-------|-------|-------|------|------|-----|-------|--------------------------------------|-------|-------------|
| | | | Chỉ thi TN | Thi TN& TS | Chỉ thi TS | Toán | V.lí | H.học | S.học | N.văn | L.sử | Đ.lí | GD | N.ngữ | KH TN | KH XH | KHTN và HXH |
| 27 | 028_Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk Mil | 29 | 1 | 28 | 0 | 29 | 0 | 0 | 0 | 29 | 29 | 29 | 29 | 29 | 0 | 29 | 0 |
| 28 | 029_Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk Song | 29 | 0 | 29 | 0 | 29 | 0 | 0 | 0 | 29 | 29 | 29 | 29 | 29 | 0 | 29 | 0 |
| 29 | 030_Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk R'Lấp | 26 | 0 | 26 | 0 | 26 | 0 | 0 | 0 | 26 | 26 | 26 | 26 | 26 | 0 | 26 | 0 |
| 30 | 031_Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk Glong | 28 | 0 | 28 | 0 | 28 | 0 | 0 | 0 | 28 | 28 | 28 | 28 | 28 | 0 | 28 | 0 |
| 31 | 032_Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Cư Jút | 30 | 3 | 27 | 0 | 30 | 3 | 3 | 3 | 30 | 27 | 27 | 27 | 30 | 3 | 27 | 0 |
| 32 | 034_Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Krông Nông | 24 | 3 | 21 | 0 | 24 | 7 | 7 | 7 | 24 | 17 | 17 | 17 | 24 | 7 | 17 | 0 |
| 33 | 035_THPT Nguyễn Đình Chiểu | 243 | 31 | 212 | 0 | 243 | 61 | 61 | 61 | 243 | 182 | 182 | 182 | 243 | 61 | 182 | 0 |
| 34 | 036_THPT Lê Duẩn | 127 | 6 | 121 | 0 | 127 | 22 | 22 | 22 | 127 | 105 | 105 | 105 | 127 | 22 | 105 | 0 |
| 35 | 037_THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh | 293 | 0 | 293 | 0 | 293 | 184 | 184 | 184 | 293 | 109 | 109 | 109 | 293 | 184 | 109 | 0 |

| TT | Đơn vị DKDT | Tổng số thí sinh | Phân theo mục đích thi | | | Phân theo môn thi | | | | | | | | | Số thí sinh ĐK thi cả bài thi tổ hợp | | |
|----|--|------------------|------------------------|--------------|------------|-------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------------------------------|--------------|-------------|
| | | | Chỉ thi TN | Thi TN& TS | Chỉ thi TS | Toán | V.lí | H.học | S.học | N.văn | L.sử | Đ.lí | GD | N.ngữ | KH TN | KH XH | KHTN và HXH |
| 36 | 038_TT GDNN - GDTX Tuy Đức | 9 | 6 | 3 | 0 | 9 | 0 | 0 | 0 | 9 | 9 | 9 | 0 | 0 | 0 | 9 | 0 |
| 37 | 039_THPT Lương Thế Vinh | 134 | 1 | 133 | 0 | 134 | 30 | 30 | 30 | 134 | 104 | 104 | 104 | 134 | 30 | 104 | 0 |
| 38 | 040_Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Tuy Đức | 24 | 1 | 23 | 0 | 24 | 1 | 1 | 1 | 24 | 23 | 23 | 23 | 24 | 1 | 23 | 0 |
| 39 | 901_THPT Chu Văn An (TS tự do) | 135 | 0 | 11 | 124 | 66 | 39 | 35 | 15 | 92 | 80 | 75 | 11 | 31 | 10 | 15 | 0 |
| 40 | 902_THPT Phạm Văn Đồng (TS tự do) | 29 | 6 | 0 | 23 | 26 | 17 | 17 | 8 | 12 | 8 | 7 | 3 | 9 | 8 | 5 | 0 |
| 41 | 903_THPT Đắc Song (TS tự do) | 17 | 5 | 2 | 10 | 15 | 6 | 6 | 4 | 10 | 9 | 8 | 1 | 7 | 3 | 5 | 0 |
| 42 | 904_THPT Trần Hưng Đạo (TS tự do) | 47 | 0 | 5 | 42 | 38 | 18 | 23 | 14 | 18 | 9 | 7 | 5 | 15 | 5 | 4 | 0 |
| 43 | 905_THPT Phan Chu Trinh (TS tự do) | 57 | 0 | 11 | 46 | 49 | 25 | 24 | 12 | 26 | 19 | 15 | 6 | 28 | 8 | 6 | 0 |
| 44 | 906_THPT Krông Nô (TS tự do) | 16 | 1 | 5 | 10 | 12 | 4 | 4 | 1 | 11 | 8 | 8 | 4 | 7 | 1 | 5 | 0 |
| | Tổng cộng | 6.881 | 495 | 6.131 | 255 | 6.786 | 2.362 | 2.362 | 2.307 | 6.749 | 4.460 | 4.447 | 4.090 | 6.397 | 2.288 | 4.367 | 0 |

Số thí sinh đăng ký xét tuyển sinh đại học nhưng không dự thi: 10 thí sinh./.

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC ĐIỂM THI - KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022 TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

| TT | Mã | Điểm Thi | Huyện/ Thành phố | Tổng số thí sinh | Phòng thi | Phòng chờ | Phòng Dự phòng | Phòng cách ly | Ghi chú |
|----|----|------------------------------|------------------------|---------------------|--------------|--------------|----------------------|------------------|---|
| 1 | 01 | THPT Chu Văn An | Gia Nghĩa | 439 | 18 | 1 | 1 | 2 | Thí sinh thuộc các Trường: THPT Chu Văn An; THPT DTNT N' Trang Long; THPT Gia Nghĩa; THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh; Trung tâm GDTX-Ngoại ngữ, Tin học tỉnh; TS tự do |
| 2 | 02 | THPT Gia Nghĩa | | 336 | 14 | | 1 | 2 | |
| 3 | 16 | THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh | | 288 | 15 | | 1 | 2 | |
| 4 | 03 | THPT DTNT N' Trang Long | | 141 | 8 | | 1 | 2 | |
| 5 | 04 | THPT Phạm Văn Đồng | Đắk R'Lấp | 576 | 25 | 3 | 1 | 2 | Thí sinh thuộc các Trường: THPT Phạm Văn Đồng; PT DTNT THCS và THPT huyện Đắk R'Lấp; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk R'Lấp; TS tự do |
| 6 | 05 | THPT Trường Chinh | | 300 | 14 | | 1 | 2 | Thí sinh thuộc Trường THPT Trường Chinh |
| 7 | 14 | THPT Nguyễn Tất Thành | | 284 | 13 | | 1 | 2 | Thí sinh thuộc Trường THPT Nguyễn Tất Thành |
| 8 | 18 | THPT Nguyễn Đình Chiểu | | 243 | 11 | | 1 | 2 | Thí sinh thuộc Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu |
| 9 | 06 | THPT Đắk Song | Đắk song | 494 | 21 | 1 | 1 | 2 | Thí sinh thuộc các Trường: THPT Đắk Song; PT DTNT THCS và THPT huyện Đắk Song; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk Song; TS tự do |
| 10 | 19 | THPT Phan Đình Phùng | | 164 | 8 | | 1 | 2 | Thí sinh thuộc Trường THPT Phan Đình Phùng |

| TT | Mã | Điểm Thi | Huyện/ Thành phố | Tổng số thí sinh | Phòng thi | Phòng chờ | Phòng Dự phòng | Phòng cách ly | Ghi chú |
|-------------------|----|---------------------|------------------------|---------------------|--------------|--------------|----------------------|------------------|--|
| 11 | 07 | THPT Đắk Mil | Đắk Mil | 533 | 22 | 1 | 1 | 2 | Thí sinh thuộc các Trường: THPT Đắk Mil; THPT Trần Hưng Đạo; THPT Nguyễn Du; PT DTNT THCS và THPT huyện Đắk Mil; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk Mil; TS tự do |
| 12 | 08 | THPT Trần Hưng Đạo | | 635 | 27 | | 1 | 2 | |
| 13 | 17 | THPT Quang Trung | | 230 | 11 | | 1 | 2 | |
| 14 | 09 | THPT Phan Chu Trinh | Cư Jút | 422 | 18 | 1 | 1 | 2 | Thí sinh thuộc các Trường: THPT Phan Chu Trinh; PT DTNT THCS và THPT huyện Cư Jút; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cư Jút; TS tự do |
| 15 | 10 | THPT Phan Bội Châu | | 506 | 22 | | 1 | 2 | Thí sinh thuộc các Trường: THPT Phan Bội Châu; THPT Nguyễn Bình Khiêm |
| 16 | 11 | THPT Krông Nô | Krông Nô | 736 | 32 | 1 | 1 | 2 | Thí sinh thuộc các Trường: THPT Krông Nô; THPT Trần Phú; THPT Hùng Vương; PT DTNT THCS và THPT huyện Krông Nô; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Krông Nô; TS tự do |
| 17 | 12 | THPT Đắk Glong | Đắk Glong | 182 | 8 | | 1 | 2 | Thí sinh thuộc các Trường: THPT Đắk Glong; PT DTNT THCS và THPT huyện Đắk Glong |
| 18 | 15 | THPT Lê Duẩn | Đắk Glong | 127 | 6 | | 1 | 2 | Thí sinh thuộc Trường THPT Lê Duẩn |
| 19 | 13 | THPT Lê Quý Đôn | Tuy Đức | 235 | 10 | 1 | 1 | 2 | Thí sinh thuộc các Trường: THPT Lê Quý Đôn; PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tuy Đức; TS tự do |
| Tổng cộng: | | | | 6.871 | 303 | 9 | 19 | 38 | |